

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BG  
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 tháng 3 năm 2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tổng Lan Hương - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Lành Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ HKTT: Tổ dân phố TN, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG.

Nơi ở: Số nhà 10 đường TT, tổ 10, phường TT, thành phố TN, tỉnh TN.

**\*Bị đơn:** Anh Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố TN, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Lành Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/9/2018, chị và anh Nguyễn Hồng Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường XG, thành phố BG và được cấp Giấy đăng ký kết hôn. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, chị và anh Đ sống chung với nhau ngay, ở cùng mẹ đẻ và anh trai anh Đ tại tổ dân phố TN, phường XG, thành

phố BG. Vợ chồng chung sống đến tháng 10 năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế. Chị và anh Đ đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Hồng Đ.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn là anh Nguyễn Hồng Đ đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên, anh Đ không cung cấp văn bản gì cho Tòa án, không đến làm việc theo các thông báo của Tòa án.*

\* Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 24/02/2022, được đại diện tổ dân phố TN, phường XG, thành phố BG cung cấp như sau: Anh Nguyễn Hồng Đ là công dân tổ dân phố TN đăng ký kết hôn với chị Lành Thị T. Quá trình chị T và anh Đ chung sống có mâu thuẫn như thế nào tổ dân phố không nắm rõ, tuy nhiên, chị T đã đi khỏi địa phương từ khoảng cuối năm 2019 đến nay và không trở về sinh sống cùng anh Đ tại địa phương. Việc chị T yêu cầu ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

\*Tại biên bản xác minh ngày 24/02/2022 của Tòa án, được bà Nguyễn Thị Hoa là mẹ đẻ anh Nguyễn Hồng Đ cung cấp: Anh Nguyễn Hồng Đ con trai bà kết hôn với chị Lành Thị T theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống, chị T và anh Đ có một số mâu thuẫn. Đến tháng 12 năm 2019, chị T xin phép ra ngoài ở riêng và sống ly thân với anh Đ từ đó đến nay. Chị T có đơn yêu cầu ly hôn anh Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được việc giải quyết vụ án.

Ngày 16/3/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa, anh Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

*\* Tại phiên tòa hôm nay:*

Nguyên đơn là chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cùng quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

*\*Hội đồng xét xử công bố toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn

chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lành Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng Đ.

+ Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường XG, thành phố BG, tỉnh BG. Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn” đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Lành Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Hồng Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến các phiên họp, hòa giải và phiên tòa, tuy nhiên vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lành Thị T và anh Nguyễn Hồng Đ kết hôn ngày 20/9/2018 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường XG, thành phố BG, tỉnh BG và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi vã. Chị T xác định đã ly thân anh Đ từ cuối năm 2019 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì. Tại biên bản xác minh với đại diện tổ dân phố TN, phường XG, thành phố BG xác định chị T đã không còn sinh sống tại địa phương từ khoảng cuối năm 2019 đến nay. Tại biên bản xác minh với mẹ đẻ anh Nguyễn Hồng Đ cũng xác định chị T và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ đều không đến làm việc, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T xác định không có, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lành Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng Đ.
2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001249 ngày 07/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. BG;
- CCTHADS TP. BG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND phường XG, TP. BG, tỉnh BG;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Mạnh Thắng**

Hồng Đ cũng xác định chị T và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ đều không đến làm việc, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T xác định không có, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lành Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng Đ.
2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001249 ngày 07/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

